

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/HS-ST

Ngày: 29-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Trọng Thế.

Ông Nguyễn Khắc Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 142/2020/TLST-HS, ngày 04 tháng 12 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Thị Th, sinh ngày 22/8/1975, tại huyện Y, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm 5, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Kh; chồng: Nguyễn Sỹ Q và có 05 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ từ ngày 12/9/2020 đến ngày 18/9/2020. Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1959; nơi cư trú: Xóm H, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền nên bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1959, trú tại: xóm H, xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã nhiều lần vay tiền của Nguyễn Thị Th. Sau khi thỏa thuận thì Th đã cho bà Q vay tiền 02 lần và bà Q đã thanh toán lãi suất cho Th,

lãi suất mỗi lần bà Q thanh toán đều cao hơn gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự, cụ thể như sau:

- Ngày 06/9/2019, Nguyễn Thị Th đến nhà của bà Nguyễn Thị Q cho bà Q vay số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Đến ngày 10/01/2020, bà Q đã trả cho Th 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc. Sau đó hai bên thống nhất tính tiền lãi từ ngày 06/9/2019 đến ngày 10/01/2020 là 126 ngày, lãi suất thỏa thuận lại là 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày, tương ứng $4.000đ/1.000.000đ/1 \text{ ngày} \times 50.000.000đ \times 126 \text{ ngày} = 25.200.000đ$ (Hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) tương đương $0,4\%/ngày = 146\%/năm$, gấp 7,3 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Đến ngày 14/01/2020, bà Q đã trả cho Th số tiền lãi này. Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà Th được hưởng từ giao dịch cho vay tiền này là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 50.000.000đ \times 126 \text{ ngày} = 3.452.054đ$ (Ba triệu, bốn trăm năm hai nghìn, không trăm năm tư đồng). Do vậy số tiền mà Th đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự lần này là $25.200.000đ - 3.452.054đ = 21.747.945đ$ (Hai một triệu bảy trăm bốn bảy nghìn chín trăm bốn lăm đồng).

- Ngày 26/12/2019, Nguyễn Thị Th cho bà Nguyễn Thị Q vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/1 ngày (Năm nghìn đồng trên một triệu đồng trên một ngày). Đến ngày 10/01/2020, bà Q đã trả cho Th 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc. Hai bên thống nhất tính tiền lãi từ 26/12/2019 đến ngày 10/01/2020 là 15 ngày, tương ứng với số tiền $5.000đ/1.000.000đ/1 \text{ ngày} \times 200.000.000đ \times 15 \text{ ngày} = 15.000.000đ$ (Mười lăm triệu đồng), tương đương $0,5\%/ngày = 182,5\%/năm$, gấp 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Ngày 10/01/2020, bà Q đã trả cho Th số tiền lãi này. Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự thì số tiền lãi hợp pháp mà Th được hưởng từ giao dịch cho vay tiền này là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 200.000.000đ \times 15 \text{ ngày} = 1.643.835đ$ (Một triệu, sáu trăm bốn ba nghìn, tám trăm ba lăm đồng). Do vậy số tiền mà Th đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự lần này là $15.000.000đ - 1.643.835đ = 13.356.164đ$ (Mười ba triệu, ba trăm năm sáu nghìn, một trăm sáu tư đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà Nguyễn Thị Th đã thu lợi bất chính và phải chịu trách nhiệm hình sự từ việc cho vay lãi nặng trong các giao dịch dân sự của khoản vay ngày 06/09/2019 và ngày 26/12/2019 là $21.747.945đ + 13.356.164đ = 35.104.109đ$ (Ba lăm triệu, một trăm linh bốn nghìn, một trăm lẻ chín đồng).

Ngoài ra, ngày 26/12/2019, Nguyễn Thị Th còn cho bà Nguyễn Thị Q vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), hai bên thống nhất lãi suất từ ngày 26/12/2019 đến ngày 10/01/2020 là 78 ngày. Đến ngày 14/01/2020, bà Q đã trả cho Th 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) tiền lãi, tương ứng mức lãi suất $74,87\%/năm$, gấp 3,74 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp Th được hưởng từ giao dịch cho vay tiền này là $20\%/năm/365 \text{ ngày} \times 30.000.000đ \times 78 \text{ ngày} = 1.282.191đ$ (Một triệu, hai trăm

tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi mốt đồng). Do đó tiền lãi suất vượt quá quy định trong Bộ luật dân sự mà Th được hưởng là 4.800.000đ - 1.282.191đ = 3.517.808đ (Ba triệu, năm trăm mười bảy nghìn, tám trăm linh tám đồng). Mặc dù Th hưởng lợi ở khoản vay này vượt quá mức lãi suất cao nhất trong Bộ luật Dân sự quy định, tuy nhiên chưa cao hơn gấp 5 lần trở lên nên đối với hành vi này của Nguyễn Thị Th chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngày 12/09/2019, bà Nguyễn Thị Q đã làm đơn tố giác tội phạm đối với Nguyễn Thị Th gửi đến Công an huyện Y.

Cùng ngày 12/09/2020, Nguyễn Thị Th đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y xin đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Nguyễn Thị Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của Th phù hợp với lời khai của người liên quan bà Nguyễn Thị Q và phù hợp với vật chứng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được.

Cáo trạng số 01/CT-VKS-YT ngày 03/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Nguyễn Thị Th về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung cáo trạng, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Th mức án từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; khấu trừ thu nhập hàng tháng từ 500.000đ đến 600.000đ để sung quỹ Nhà Nước.

Về Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền cho vay (tiền gốc) 250.000.000đ và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 5.095.899đ. Đây là phương tiện phạm tội và số tiền phát sinh từ phạm tội, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu (bằng hình thức truy thu) tại bị cáo Nguyễn Thị Th, nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền thu lợi bất chính 38.621.917đ. Đây là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo trả lại cho người vay là bà Nguyễn Thị Q.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý với nội dung bản cáo trạng, bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có tranh luận gì.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Trong ngày các 06/9/2019 và ngày 26/12/2019, Nguyễn Thị Th đã cho bà Nguyễn Thị Q vay tiền 02 lần, tổng cộng 250.000.000 đồng và bà Q đã trả tiền lãi suất cho Th đối với hai khoản vay này vượt quá mức lãi suất cao nhất, cao hơn gấp 5 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Tổng cộng số tiền lãi suất mà Th đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng từ các giao dịch dân sự này là 35.104.109 đ (Ba lăm triệu, một trăm linh bốn nghìn, một trăm lẻ chín đồng). Với hành vi trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính; ảnh hưởng nghiêm trọng đến các giao dịch dân sự; hành vi của bị cáo đã đẩy gia đình người vay tiền vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong dư luận. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi, coi thường pháp luật, bất chấp đạo lý để thực hiện hành vi phạm tội. Việc khởi tố, điều tra, đưa bị cáo ra xét xử là hết sức cần thiết nhằm xử lý, ngăn chặn hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đang có xu hướng gia tăng trên địa bàn huyện nói riêng và cả nước nói chung.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra bị cáo có bố là Nguyễn Văn Đoàn tham gia dân công hỏa tuyến được hưởng chế độ trợ cấp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà bị cáo được hưởng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi làm việc và cư trú rõ ràng. Vì vậy, cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ nghiêm, có căn cứ, cần chấp nhận.

[5]. Về khẩu trừ thu nhập: Xét thấy bị cáo có việc làm và thu nhập ổn

định, vì vậy cần khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước.

[6]. Về Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền cho vay (tiền gốc) 250.000.000đ và số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 5.095.899đ. Xét thấy đây là phương tiện phạm tội và số tiền phát sinh từ phạm tội mà có, do đó cần tịch thu (bằng hình thức truy thu) tại bị cáo Nguyễn Thị Th, nộp Ngân sách Nhà nước.

- Đối với khoản tiền thu lợi bất chính 38.621.917đ. Xét thấy đây là khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất trên 20%/năm mà người phạm tội thu lợi bất chính của người vay và người vay không sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp, nên cần buộc bị cáo Nguyễn Thị Th trả lại cho người vay là bà Nguyễn Thị Q.

[7]. Ngoài ra, ngày 26/12/2019, Nguyễn Thị Th còn cho bà Nguyễn Thị Q vay số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), hai bên thống nhất lãi suất tương ứng mức lãi suất 74,87%/năm, gấp 3,74 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, tuy nhiên chưa cao hơn gấp 5 lần trở lên nên đối với hành vi này của Nguyễn Thị Th chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm hình sự.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[9]. Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Th 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày từ 12/9/2020 đến ngày 18/9/2020 là 06 (sáu) ngày = 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ; còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An nhận được quyết định thi hành án và Bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Th cho Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Y, tỉnh Nghệ An nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Tr trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ thu nhập hàng tháng số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng/tháng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự:

- Tịch thu (bằng hình thức truy thu), nộp Ngân sách nhà nước tại bị cáo Nguyễn Thị Q tổng số tiền 255.095.899đ (Hai trăm năm mươi lăm triệu, không trăm chín lăm nghìn, tám trăm chín mươi chín đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Th trả lại cho bà Nguyễn Thị Q số tiền 38.621.917đ (Ba mươi tám triệu, sáu trăm hai mươi một nghìn, chín trăm mười bảy đồng) thu lợi bất chính.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Th phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- Bị cáo; Người có QL, NVLQ;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Tr, h. Y;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Mạnh